

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 08 ngày 10 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp (được chuyển đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000640 cấp lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2007).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vicostone	20.400.000.000	45,21
Ông Phạm Minh Hùng	2.000.000.000	4,43
Ông Phạm Trí Dũng	81.000.000	0,18
Các cổ đông khác	22.646.500.000	50,18
Cộng	45.127.500.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 043 3 601 860

Fax : 043 3 688 305

E-mail : stonevietnam@gmail.com

Mã số thuế : 0 5 0 0 5 5 5 9 1 6

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế là:

- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, mua bán sơn, khóa, bản lề, cửa, đồ sành sứ, thủy tinh, pha lê, thiết bị vệ sinh, hàng cơ khí;
- Sản xuất, gia công, mua bán phôi thép, thép các loại;
- Sản xuất, mua bán các sản phẩm trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất, chế biến, mua bán gỗ, đồ gỗ (trừ các loại gỗ nhà nước cấm);
- Sản xuất, mua bán vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y);
- Sản xuất và mua bán hàng dệt, may mặc, đồ da, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành cơ khí, xây dựng; mua bán vật tư, máy móc thiết bị ngành dệt, may mặc, đồ da;
- Mua bán, sửa chữa thiết bị, linh kiện, phương tiện giao thông vận tải;
- Mua bán rượu, bia, thuốc lá, đồ mỹ nghệ, đồ giải khát, đồ gia dụng, điện, điện tử, điện lạnh;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi, giải trí: cầu lông, bóng bàn, bi-a, tennis (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng, kỹ thuật;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chuyển giao công nghệ;
- Khai thác, chế biến các loại khoáng sản;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Đầu tư phát triển nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Kinh doanh Bất động sản.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 32).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Trí Dũng	Chủ tịch	22 tháng 4 năm 2010	
Ông Phạm Minh Hùng	Thành viên	26 tháng 6 năm 2008	23 tháng 3 năm 2013
Ông Ninh Quốc Cường	Thành viên	23 tháng 8 năm 2012	
Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp	Thành viên	23 tháng 8 năm 2012	
Ông Ngô Mạnh Quân	Thành viên	20 tháng 4 năm 2012	
Ông Phí Anh Dũng	Thành viên	23 tháng 3 năm 2013	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lương Xuân Mẫn	Trưởng ban	26 tháng 6 năm 2008	
Ông Trịnh Quốc Hùng	Thành viên	26 tháng 6 năm 2008	23 tháng 3 năm 2013
Bà Nguyễn Phương Thúy	Thành viên	26 tháng 6 năm 2008	
Bà Trần Lan Phương	Thành viên	23 tháng 3 năm 2013	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Mạnh Quân	Giám đốc	10 tháng 01 năm 2011	26 tháng 3 năm 2013
Ông Phí Anh Dũng	Giám đốc	26 tháng 3 năm 2013	
Ông Ninh Quốc Cường	Phó Giám đốc	18 tháng 10 năm 2009	
Ông Phạm Minh Hùng	Phó Giám đốc	01 tháng 6 năm 2009	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Phí Anh Dũng

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

5-002
HÀNH
TỶ
HỮU
VÀ TỰ
C
À NỘI
- TP



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 311/2013/BCTC-KTTV-KT2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2013, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Hoàng Đức

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Nguyễn Ngọc Tuyền

Nguyễn Ngọc Tuyền

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1629-2013-008-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.153.825.949	81.024.625.772
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.102.982.640	2.723.506.479
1. Tiền	111		4.171.417.257	923.506.479
2. Các khoản tương đương tiền	112		931.565.383	1.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.920.178.403	2.642.078.802
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	4.783.378.344	2.622.142.148
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	69.452.048	10.698.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	67.348.011	9.238.154
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		72.820.038.973	70.265.137.866
1. Hàng tồn kho	141	V.5	72.820.038.973	70.265.137.866
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.310.625.933	5.393.902.625
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	123.771.135	117.385.303
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.736.369.607	4.907.339.537
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	25.375.191	58.419.705
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	425.110.000	310.758.080

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.567.348.173	30.694.216.749
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.628.321.856	29.848.122.689
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	27.552.680.444	29.834.174.689
<i>Nguyên giá</i>	222		46.349.435.877	46.397.629.714
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18.796.755.433)	(16.563.455.025)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	4.800.000
<i>Nguyên giá</i>	228		-	18.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	(13.200.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	75.641.412	9.148.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		939.026.317	846.094.060
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	939.026.317	846.094.060
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		115.721.174.122	111.718.842.521

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		56.900.997.442	60.717.108.208
I. Nợ ngắn hạn	310		56.507.607.442	60.330.786.208
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	393.390.000	772.648.090
2. Phải trả người bán	312	V.14	50.548.449.583	54.879.015.304
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	4.011.141.713	4.219.524.847
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	265.178.393	7.856.982
5. Phải trả người lao động	315		831.629.462	349.926.244
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	213.418.631	90.589.822
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	244.399.660	11.224.919
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		393.390.000	386.322.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	393.390.000	386.322.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	58.820.176.680	51.001.734.313
I. Vốn chủ sở hữu	410		58.820.176.680	51.001.734.313
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.127.500.000	41.025.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.523.153.860	1.403.680.923
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		839.172.231	426.288.130
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.330.350.589	8.146.765.260
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		115.721.174.122	111.718.842.521

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		94.322,78	100,36
Euro (EUR)		8,01	8,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Phạm Thị Duyên

Kế toán trưởng

Trần Thị Đức Hạnh

Lập ngày 12 tháng 8 năm 2013

Giám đốc



Phí Anh Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		28.135.669.966	57.064.071.165
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	11.947.727
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	28.135.669.966	57.052.123.438
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	19.939.942.126	47.415.663.488
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.195.727.840	9.636.459.950
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	114.344.068	110.822.497
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	47.814.971	105.621.568
Trong đó: chi phí lãi vay	23		36.876.122	68.279.368
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	831.366.544	621.779.990
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2.647.850.505	2.176.329.040
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.783.039.888	6.843.551.849
11. Thu nhập khác	31	VI.7	480.000.000	420.000.000
12. Chi phí khác	32	VI.8	478.624.578	413.683.515
13. Lợi nhuận khác	40		1.375.422	6.316.485
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.784.415.310	6.849.868.334
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		505.396.926	564.336.908
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.279.018.384	6.285.531.426
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	980	1.560

Lập ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Duyên

Trần Thị Đức Hạnh

Phí Anh Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.784.415.310	6.849.868.334
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10,V.11	2.220.100.408	2.325.378.570
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	8.127.814	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(105.162.736)	(103.972.490)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	36.876.122	68.279.368
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.944.356.918	9.139.553.782
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(908.179.719)	(2.653.491.672)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.554.901.107)	(63.290.420.488)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.087.093.515)	57.699.769.132
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(99.318.089)	205.666.198
- Tiền lãi vay đã trả	13		(36.876.122)	(68.279.368)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(181.798.828)	(347.022.516)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.8	50.000.000	70.346.452
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(243.501.276)	(324.019.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.117.311.738)	432.102.520
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(263.208.922)	(1.207.540.103)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		37.814.725	103.972.490
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(225.394.197)	(1.103.567.613)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.20	4.102.500.000	1.025.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13	(386.322.001)	(352.135.200)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.716.177.999	672.864.800
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.373.472.064	1.399.707
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.723.506.479	2.008.479.506
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.004.097	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5.102.982.640	2.009.879.213

Người lập biểu

Phạm Thị Duyên

Kế toán trưởng

Trần Thị Đức Hạnh

Lập ngày 12 tháng 8 năm 2013

Giám đốc



Phí Anh Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Gia công, chế tác, mua bán đá ốp lát.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 148 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 130 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 11
Máy móc và thiết bị	06 - 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

11. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Trích lập các quỹ

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 30/6/2013 : 21.150 VND/USD

31/12/2012 : 20.770 VND/USD

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty là các khoản phải thu.

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm: các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.588.409.527	650.582.453
Tiền gửi ngân hàng	2.583.007.730	272.924.026
Các khoản tương đương tiền	931.565.383	1.800.000.000
Cộng	5.102.982.640	2.723.506.479

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hoá dầu Quân Đội	1.178.951.610	1.178.951.610
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	1.074.070.944	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	993.186.691	-
Công ty TNHH Livart Vina	770.767.696	-
Công ty TNHH Thu Anh	267.479.753	265.071.153
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công Vàng	89.516.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuân Lãm	63.690.000	63.690.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thiên Hưng	43.017.500	28.731.500
Công ty Cổ phần TID	-	357.495.125
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Quốc tế	-	440.924.765
Đối tượng khác	302.697.650	287.277.995
Cộng	4.783.378.344	2.622.142.148

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
DOI CO.,LTD	58.753.548	-
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng và Truyền thông Con Đường Sáng	10.698.500	10.698.500
Cộng	69.452.048	10.698.500

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu Công ty Cổ phần Vicostone về tiền lãi cho vay	67.348.011	-
Wuhan M-Hongda Trading Co.,ltd	-	9.238.154
Cộng	67.348.011	9.238.154

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	63.955.569.451	64.280.489.683
Công cụ, dụng cụ	1.359.495.921	1.554.806.958
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.654.928.317	5.142.929
Thành phẩm	2.850.045.284	4.424.698.296
Cộng	72.820.038.973	70.265.137.866

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	66.332.255	66.217.601
Phí bảo hiểm xe ô tô	5.749.090	15.695.000
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô	5.869.092	-
Chi phí trả trước khác	45.820.698	35.472.702
Cộng	123.771.135	117.385.303

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	58.419.705
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	25.375.191	-
Cộng	25.375.191	58.419.705

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	425.110.000	260.758.080
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	50.000.000
Cộng	425.110.000	310.758.080

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	31.152.589.375	13.203.328.370	1.868.901.512	172.810.457	46.397.629.714
Tăng trong kỳ do hoàn thành mua sắm TSCĐ	-	196.715.510	-	-	196.715.510
Giảm trong kỳ do phân loại sang CCDC theo thông tư 45	(87.850.409)	(52.722.344)	-	(104.336.594)	(244.909.347)
Số cuối kỳ	31.064.738.966	13.347.321.536	1.868.901.512	68.473.863	46.349.435.877

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

13.376.190

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	9.368.690.649	6.061.908.447	1.026.521.328	106.334.601	16.563.455.025
Tăng trong kỳ do trích khấu hao	1.416.967.608	815.709.341	123.516.798	10.283.350	2.366.477.097
Giảm trong kỳ do phân loại sang CCDC theo thông tư 45	(48.009.708)	(29.584.400)	-	(55.582.581)	(133.176.689)
Số cuối kỳ	10.737.648.549	6.848.033.388	1.150.038.126	61.035.370	18.796.755.433

Giá trị còn lại

Số đầu năm	21.783.898.726	7.141.419.923	842.380.184	66.475.856	29.834.174.689
Số cuối kỳ	20.327.090.417	6.499.288.148	718.863.386	7.438.493	27.552.680.444

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 3.481.982.534 VND và 1.551.051.111 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	18.000.000	13.200.000	4.800.000
Giảm trong kỳ theo thông tư 45	(18.000.000)	(14.700.000)	(3.300.000)
Tăng do khấu hao trong kỳ	-	1.500.000	(1.500.000)
Số cuối kỳ	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	-	198.693.382	(196.715.510)	-	1.977.872
Máy cưa chuyên dụng	-	196.715.510	(196.715.510)	-	-
Máy cắt cầu XZQQ-625A	-	1.977.872	-	-	1.977.872
XDCB dở dang	9.148.000	105.835.540	-	(41.320.000)	73.663.540
Xe đẩy Inox thử nghiệm	-	8.995.276	-	-	8.995.276
Máy mài 4 đầu	-	16.390.764	-	-	16.390.764
Hệ thống đường điện cấp nguồn máy phát điện	-	48.277.500	-	-	48.277.500
Máy chẻ đá	9.148.000	32.172.000	-	(41.320.000)	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	104.868.194	(89.280.000)	(15.588.194)	-
Cầu giao trung thế, ống tri điện trở sấy - trạm biến áp	-	104.868.194	(89.280.000)	(15.588.194)	-
Cộng	9.148.000	409.397.116	(285.995.510)	(56.908.194)	75.641.412

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ xuất dùng	277.715.531	225.461.717	131.014.901	372.162.347
Tiền thuê đất	415.416.667	-	120.500.000	294.916.667
Chi phí đồ đất trồng cây	31.597.814	-	5.576.082	26.021.732
Cải tạo sân trước nhà điều hành	15.379.628	-	4.484.430	10.895.198
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô	48.801.341	101.568.000	28.133.420	122.235.921
Chi phí tư vấn lập đề án Môi trường	40.099.748	-	6.874.242	33.225.506
Phí cấp phép xả nước thải	17.083.331	-	17.083.331	-
Hệ thống cấp khí nén	-	12.608.354	406.721	12.201.633
Phí thử nghiệm máy biến áp	-	15.588.194	-	15.588.194
Nền sân vườn	-	12.547.850	404.769	12.143.081
Cấp thoát nước trong Nhà xưởng chính	-	15.026.488	484.725	14.541.763
Nhà để xe cho nhân viên	-	14.358.009	463.162	13.894.847
Chi phí khác	-	12.101.818	902.390	11.199.428
Cộng	846.094.060	409.260.430	316.328.173	939.026.317

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**13. Vay và nợ ngắn hạn**

Là khoản vay dài hạn đến hạn trả của ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	772.648.090	774.801.600
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	774.801.600
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	7.063.911	(2.157.600)
Số tiền vay đã trả	(386.322.001)	(704.266.310)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	-	(70.531.200)
Số cuối kỳ	393.390.000	772.648.090

14. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đá ốp lát cao cấp Vinaconex	49.568.186.160	46.494.918.369
Công ty Cổ phần Style Stone	357.549.877	7.987.048.373
Cty TNHH Vận tải và Thương mại Xây dựng Nguyễn Ngọc	173.810.010	7.260.000
Công ty Môi trường Đô thị Xuân Mai	45.980.000	94.380.000
Phải trả người bán khác	402.923.536	295.408.562
Cộng	50.548.449.583	54.879.015.304

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường	1.543.327.500	2.700.800.000
Nhà máy Đức	700.000.000	-
Chi nhánh Bắc Hà Nội - Công ty Cổ phần Tập Đoàn Nam Cường Hà Nội	564.300.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hà Nội	454.960.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Minh Tiến	249.278.800	-
Công ty Cổ phần TID	224.743.875	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	-	461.126.366
Công ty Cổ phần xây dựng số 9	-	442.277.853
Công ty TNHH Thương mại Thái Hoàng	-	130.641.800
Khách hàng khác	274.531.538	484.678.828
Cộng	4.011.141.713	4.219.524.847

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	30.340.950	(30.340.950)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(58.419.705)	505.396.926	(181.798.828)	265.178.393
Thuế thu nhập cá nhân	7.856.982	120.196.257	(153.428.430)	(25.375.191)
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	(50.562.723)	658.934.133	(368.568.208)	239.803.202

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.7).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam là cơ sở kinh doanh mới được thành lập năm 2007, có dự án đầu tư thực hiện trong Khu công nghiệp. Theo đó, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính Phủ: được hưởng thuế suất ưu đãi là 20% trong 10 năm đầu kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động; được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2008 và 2009) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2010)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.784.415.310	6.849.868.334
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	85.277.769	24.305.889
Lãi vay cá nhân vượt 1,5 lần lãi suất cơ bản	-	13.800.000
Chi phí không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ	56.550.000	8.705.889
Các khoản phạt vi phạm hành chính	28.727.769	1.800.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	4.869.693.079	6.874.174.223
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	4.756.562.290	6.831.728.878
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập dự kiến được giảm	475.656.229	683.172.888
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ hoạt động sản xuất được ưu đãi	475.656.229	683.172.888
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	113.130.789	42.445.345
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động kinh doanh khác	28.282.697	10.611.336
Thuế thu nhập được giảm theo NQ 29/2012/QH3 ngày 21 tháng 6 năm 2012	-	129.447.316
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	1.458.000	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	505.396.926	564.336.908

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	12.723.694	10.456.516
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	125.500.324	75.820.203
Phải trả Công ty Cổ phần Vicostone về tiền điện, nước, phí bảo vệ	65.846.613	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	9.348.000	4.313.103
Cộng	213.418.631	90.589.822

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	6.482.233	426.676.017	(220.668.276)	212.489.974
Quỹ phúc lợi	4.742.686	50.000.000	(22.833.000)	31.909.686
Cộng	11.224.919	476.676.017	(243.501.276)	244.399.660

19. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2007/HĐTD ngày 4/10/2007, thời hạn vay 07 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	393.390.000	772.648.090
Trên 1 năm đến 5 năm	393.390.000	386.322.000
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	786.780.000	1.158.970.090

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	386.322.000	1.162.202.400
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	-	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	(774.801.600)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm kỳ	7.068.000	(1.078.800)
Số cuối kỳ	393.390.000	386.322.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	40.000.000.000	(70.346.452)	564.659.794	258.483.904	3.452.084.514	44.204.881.760
Tăng vốn trong năm trước	1.025.000.000	-	-	-	-	1.025.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	8.257.682.017	8.257.682.017
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	839.021.129	167.804.226	(1.511.751.271)	(504.925.916)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(2.051.250.000)	(2.051.250.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá cuối năm 2011	-	70.346.452	-	-	-	70.346.452
Số dư cuối năm trước	41.025.000.000	-	1.403.680.923	426.288.130	8.146.765.260	51.001.734.313
Số dư đầu năm nay	41.025.000.000	-	1.403.680.923	426.288.130	8.146.765.260	51.001.734.313
Tăng vốn trong kỳ này	4.102.500.000	-	-	-	-	4.102.500.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	4.279.018.384	4.279.018.384
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	2.119.472.937	412.884.101	(3.009.033.055)	(476.676.017)
Chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(86.400.000)	(86.400.000)
Số dư cuối kỳ	45.127.500.000	-	3.523.153.860	839.172.231	9.330.350.589	58.820.176.680

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.512.750	4.102.500
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.512.750	4.102.500
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.512.750	4.102.500
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu*****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu		
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	-	37.133.707.718
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	28.135.669.966	19.930.363.447
Các khoản giảm trừ doanh thu:		(11.947.727)
- <i>Chiết khấu thương mại</i>	-	(3.947.727)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	-	(8.000.000)
Doanh thu thuần	28.135.669.966	57.052.123.438

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	-	36.596.204.971
Giá vốn của sản phẩm đã chế tác	19.939.942.126	10.819.458.517
Cộng	19.939.942.126	47.415.663.488

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	37.814.725	7.545.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	9.181.332	6.850.007
Lãi tiền cho vay	67.348.011	96.427.490
Cộng	114.344.068	110.822.497

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	36.876.122	68.279.368
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.811.035	37.342.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.127.814	-
Cộng	47.814.971	105.621.568

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	753.875.119	481.496.381
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.015.000	21.540.615
Chi phí bảo hành	3.817.440	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.665.267	4.870.243
Chi phí bằng tiền khác	50.993.718	113.872.751
Cộng	831.366.544	621.779.990

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.588.727.279	1.114.632.628
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.267.907	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	56.125.159	49.922.675
Chi phí khấu hao TSCĐ	290.516.949	290.190.996
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.469.837	293.699.293
Chi phí bằng tiền khác	523.743.374	424.883.448
Cộng	2.647.850.505	2.176.329.040

7. Thu nhập khác

Là thu nhập từ cho thuê nhà xưởng

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao TSCĐ cho thuê	441.526.122	389.377.626
Chi phí gửi xe	8.400.000	-
Phạt chậm nộp bảo hiểm	18.956.584	8.705.889
Phạt vi phạm hàng chính	8.991.872	-
Chi phí khác	750.000	15.600.000
Cộng	478.624.578	413.683.515

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.279.018.384	6.285.531.426
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.279.018.384	6.285.531.426
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.364.604	4.029.042
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	980	1.560

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.102.500	4.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 10 tháng 5 năm 2012	-	29.042
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 07 tháng 3 năm 2013	262.104	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.364.604	4.029.042

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng	527.891.136	611.598.859

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Vicostone	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Vicostone		
Mua vật tư, công cụ dụng cụ của Vicostone	14.056.288.192	68.078.163.195
Thanh toán tiền hàng cho Vicostone	3.000.000.000	-
Bán thành phẩm cho Vicostone	16.824.317.261	53.759.921.513
Cho Vicostone thuê kho	480.000.000	420.000.000
Vicostone thanh toán tiền hàng	9.605.356.364	-
Công ty Cổ phần Style Stone		
Bán thành phẩm cho Style Stone	572.271.360	-
Thanh toán tiền hàng cho Style Stone	7.000.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Vicostone		
Phải thu về tiền cho Vicostone vay ngắn hạn	931.565.383	-
Tiền lãi cho vay	67.348.011	-
Cộng nợ phải thu	998.913.394	-
Công ty Cổ phần Vicostone		
Phải trả tiền mua đá ốp lát	49.568.186.160	46.494.918.369
Công ty Cổ phần Style Stone		
Phải trả tiền mua đá ốp lát	357.549.877	7.987.048.373
Cộng nợ phải trả	49.925.736.037	54.481.966.742

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.102.982.640	-	-	-	5.102.982.640
Phải thu khách hàng	4.783.378.344	-	-	-	4.783.378.344
Các khoản phải thu khác	492.458.011	-	-	-	492.458.011
Cộng	10.378.818.995	-	-	-	10.378.818.995
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.723.506.479	-	-	-	2.723.506.479
Phải thu khách hàng	2.622.142.148	-	-	-	2.622.142.148
Các khoản phải thu khác	319.996.234	-	-	-	319.996.234
Cộng	5.665.644.861	-	-	-	5.665.644.861

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	393.390.000	393.390.000	-	786.780.000
Phải trả người bán	50.548.449.583	-	-	50.548.449.583
Các khoản phải trả khác	75.194.613	-	-	75.194.613
Cộng	51.017.034.196	393.390.000	-	51.410.424.196

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	772.648.090	386.322.000	-	1.158.970.090
Phải trả người bán	54.879.015.304	-	-	54.879.015.304
Các khoản phải trả khác	4.313.103	-	-	4.313.103
Cộng	55.655.976.497	386.322.000	-	56.042.298.497

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro lãi suất

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản cho vay và vay có giá trị nhỏ.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.102.982.640	-	2.723.506.479	-	5.102.982.640	2.723.506.479
Phải thu khách hàng	4.783.378.344	-	2.622.142.148	-	4.783.378.344	2.622.142.148
Các khoản phải thu khác	492.458.011	-	319.996.234	-	492.458.011	319.996.234
Cộng	10.378.818.995	-	5.665.644.861	-	10.378.818.995	5.665.644.861

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TÁC ĐÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: KCN công nghệ cao, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	786.780.000	1.158.970.090	786.780.000	1.158.970.090
Phải trả người bán	50.548.449.583	54.879.015.304	50.548.449.583	54.879.015.304
Các khoản phải trả khác	75.194.613	4.313.103	75.194.613	4.313.103
Cộng	51.410.424.196	56.042.298.497	51.410.424.196	56.042.298.497

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

4. Những thông tin khác

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Duyên

Trần Thị Đức Hạnh

Phí Anh Dũng